

UNIT 9:**COMMUNICATION****SKILLS 2****I/ NEW WORDS:**

- e-learning message board	(n) bảng thư tín điện tử
- edit /'ed.ɪt/	(v) : b.tập, làm chủ biên
- total view /'təʊ.təl/ /vjuː/	(n) : cái nhìn tổng quan
- caps lock /'kæps lɒk ,kiː/	(n) : khoá phím chữ hoa
- netiquette /'net.i.ket/(n)	: phép l.sự khi g.tiếp trên mạng
- comment /'kɒm.ent/	(v) : bình luận, phê bình
- judge /dʒʌdʒ/	(n) : quan toà
- attachment /ə'tætʃ.mənt/	(n): vật đính kèm
- a senior person /'siː.ni.ər/	(n): người lớn tuổi hơn
- formal /'fɔː.məl/	(adj): trang trọng
- submission /səb'mɪʃ.ən/	(n): sự nộp, sự trình
- summit /'sʌm.ɪt/	(adj): đỉnh, chỏm, chóp